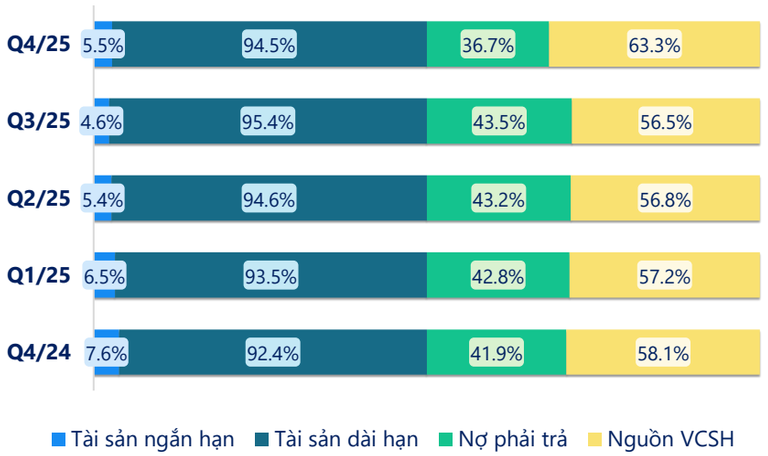
FireAnt

CTCP Thương mại Hà Tây (UPCOM: HTT)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	1,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,300
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,460
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	32
P/E	-5.4
EPS	-296

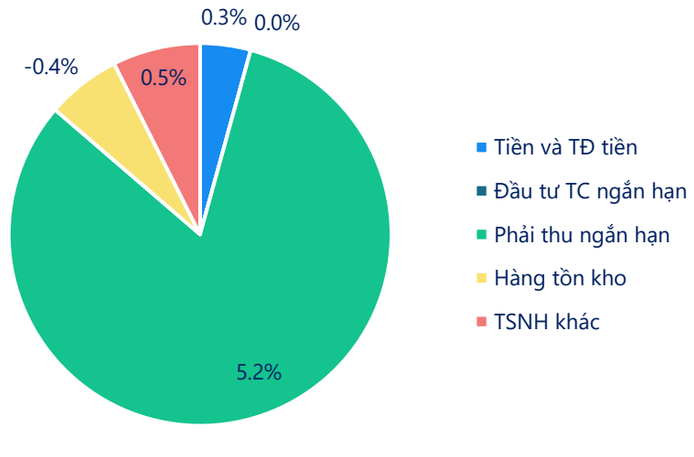
	YTD	1T	3T	6T
HTT	6.7%	0.0%	14.3%	0.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



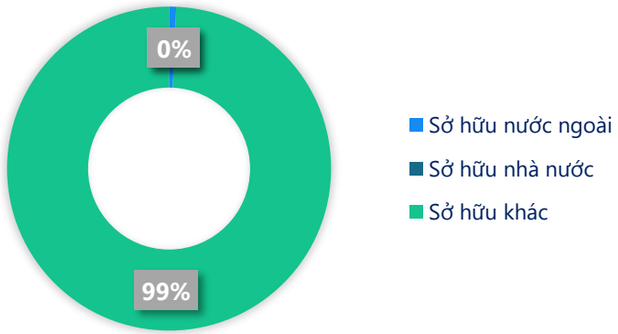
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



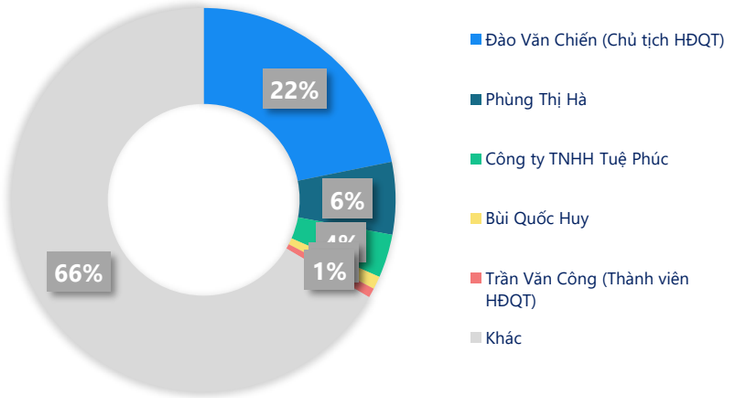
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



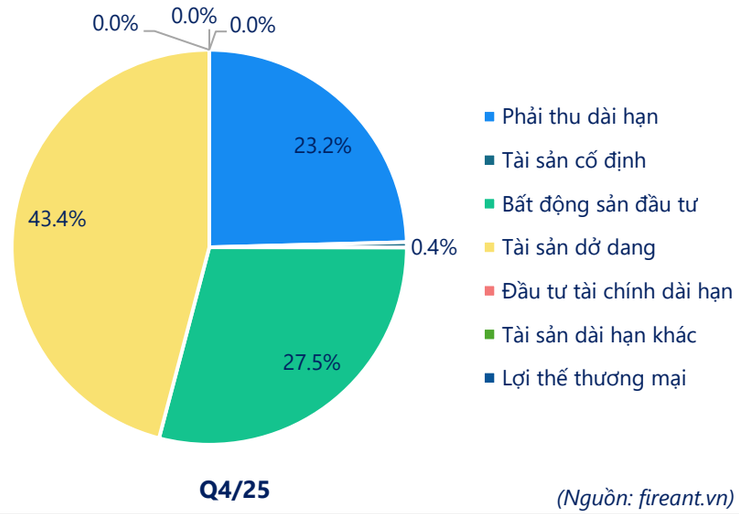
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

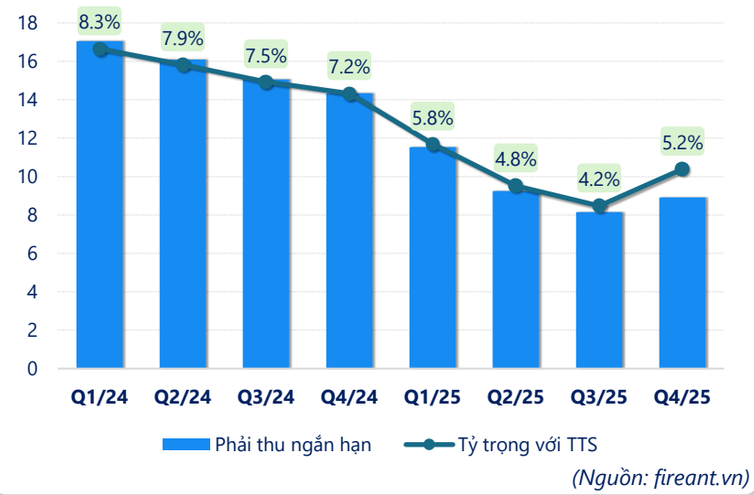
CTCP Thương mại Hà Tây (UPCOM: HTT)

Tiền và tương đương tiền



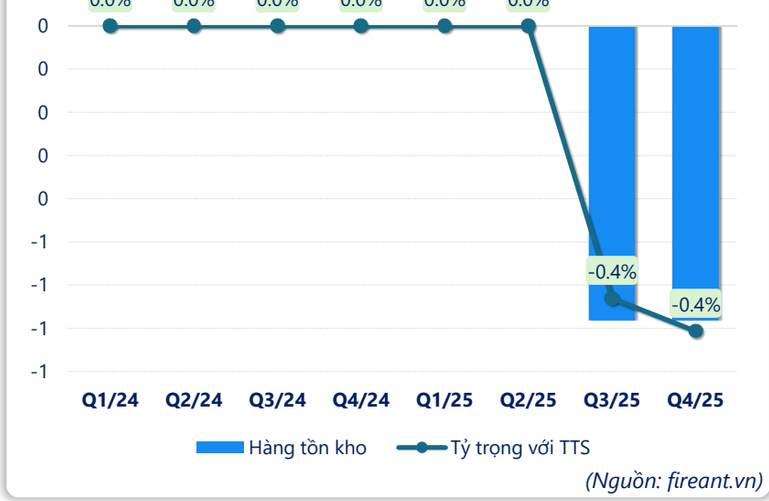
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



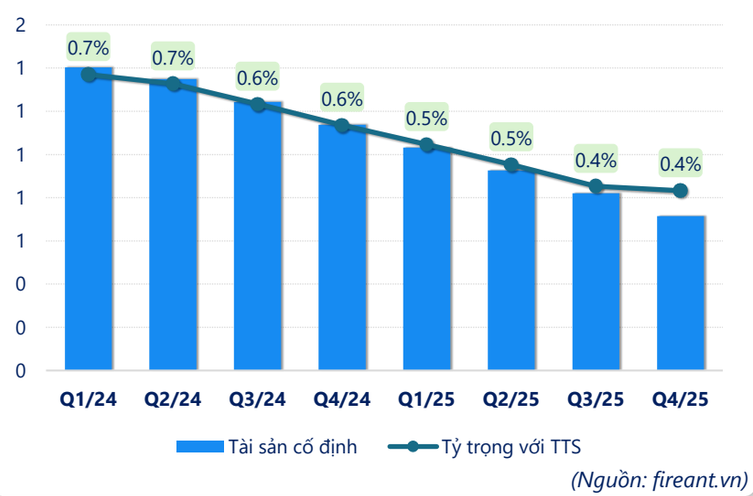
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



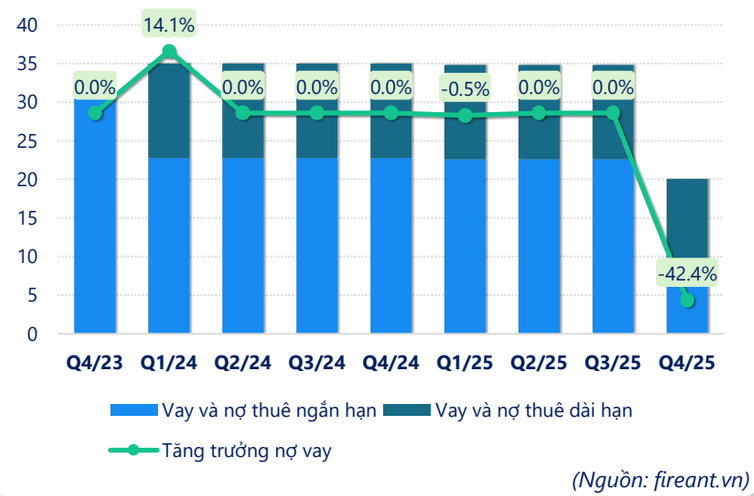
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



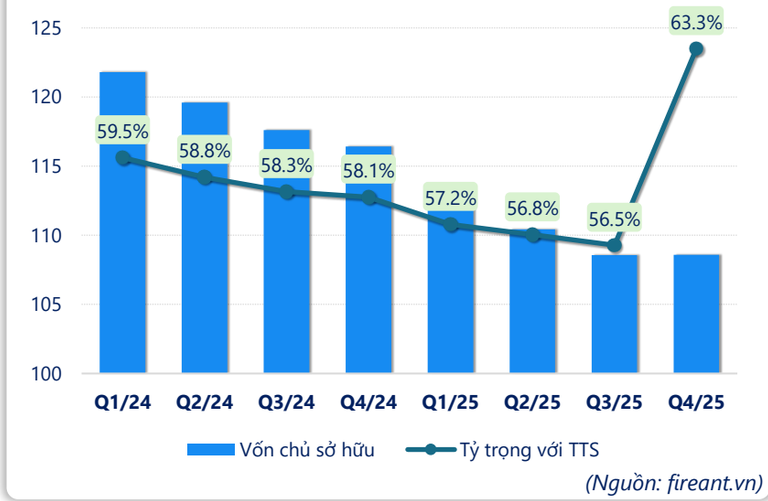
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

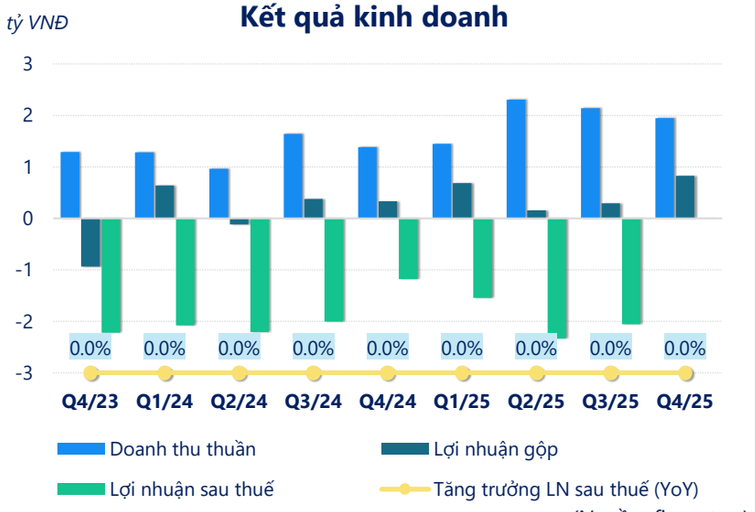
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

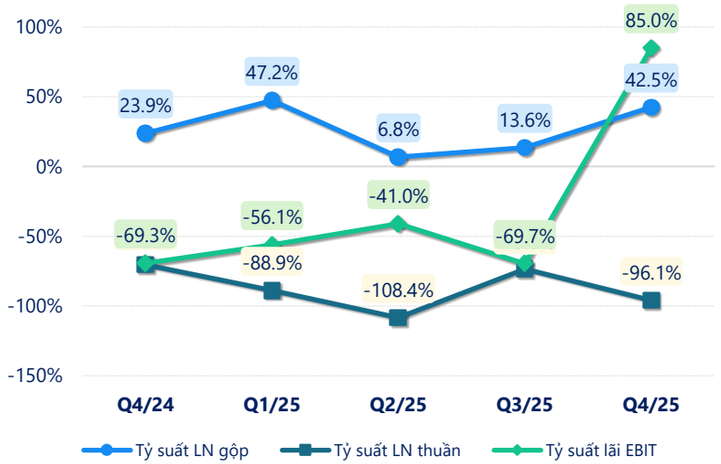
CTCP Thương mại Hà Tây (UPCOM: HTT)

Kết quả kinh doanh



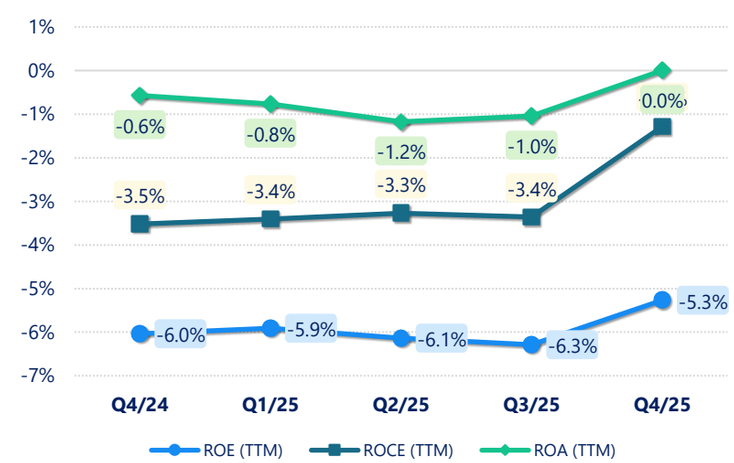
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



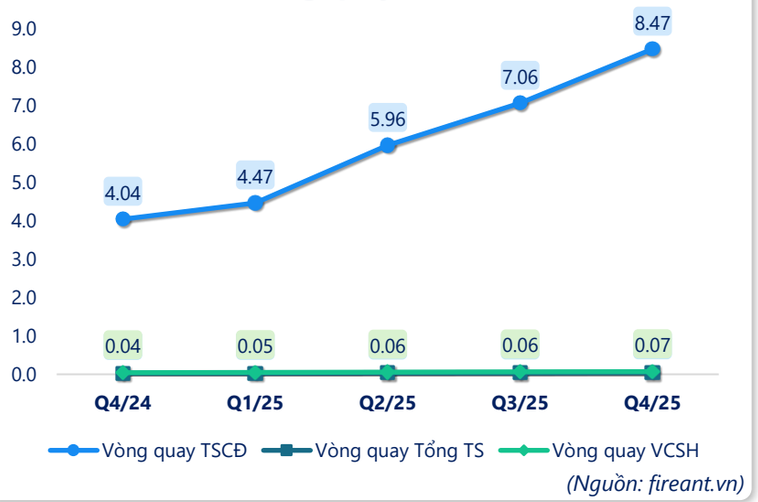
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



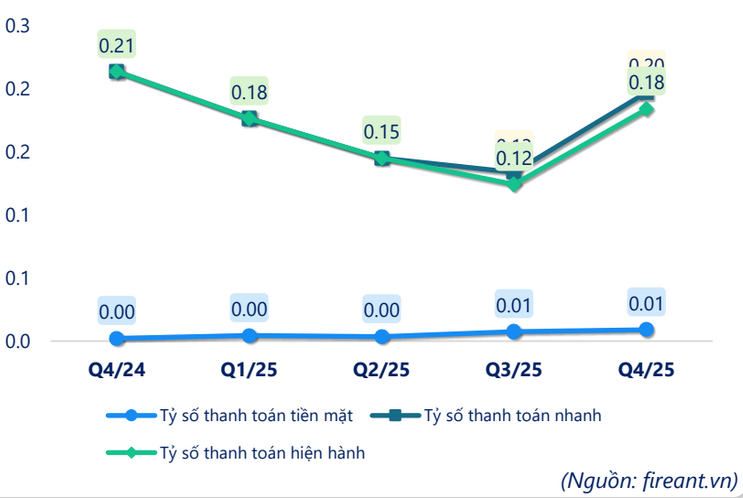
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



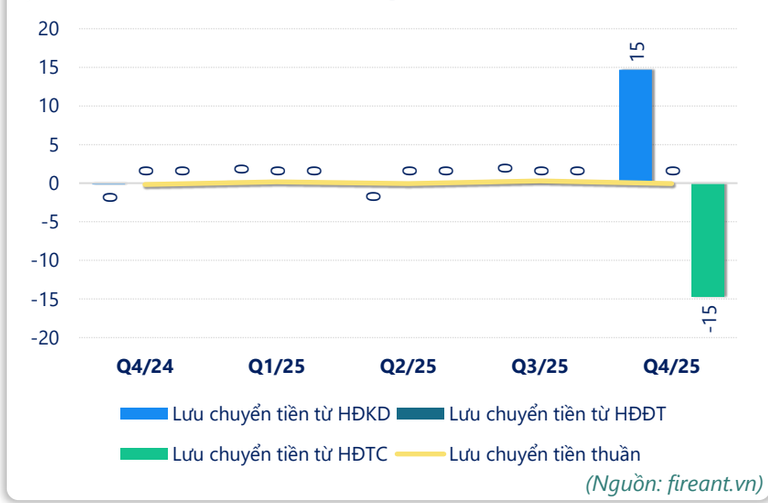
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

FireAnt

CTCP Thương mại Hà Tây (UPCOM: HTT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**172**	**198**	**-13.3%**
Tài sản ngắn hạn	9.50	12.9	-26.4%
Tiền và tương đương tiền	0.46	0.13	259%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8.91	12.2	-27.1%
Hàng tồn kho	-0.68	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.81	0.56	43.8%
Tài sản dài hạn	**162**	**185**	**-12.4%**
Phải thu dài hạn	39.8	39.8	0.0%
Tài sản cố định	0.71	1.14	-37.2%
Bất động sản đầu tư	47.1	54.1	-12.8%
Tài sản dở dang	74.4	89.9	-17.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0.00**	**-100%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	63.0	83.6	-24.6%
Nợ ngắn hạn	**51.7**	**71.4**	**-27.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8.71	22.6	-61.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.27	1.40	-9.5%
Nợ dài hạn	11.3	12.2	-7.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	11.3	12.2	-7.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**109**	**114**	**-5.0%**
Vốn chủ sở hữu	**109**	**114**	**-5.0%**
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1.39	1.45	2.31	2.14	1.95
Giá vốn hàng bán	1.06	0.76	2.15	1.85	1.12
Lợi nhuận gộp	0.33	0.68	0.16	0.29	0.83
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.22	0.73	1.39	0.56	1.65
Chi phí lãi vay	0.22	0.73	1.39	0.56	1.65
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.09	1.24	1.27	1.30	1.05
LN thuần từ HĐKD	-0.98	-1.29	-2.50	-1.58	-1.87
Lợi nhuận khác	-0.20	-0.26	0.17	-0.48	1.88
LN trước thuế	-1.18	-1.54	-2.34	-2.05	0.01
Lợi nhuận sau thuế	-1.18	-1.54	-2.34	-2.05	0.01
LNST của CĐ cty mẹ	-1.18	-1.54	-2.34	-2.05	0.01

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.18	0.19	-0.06	0.29	14.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	-14.8
Tiền đầu kỳ	0.33	0.13	0.31	0.25	0.54
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.18**	**0.19**	**-0.06**	**0.29**	**-0.08**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.16	0.31	0.25	0.54	0.46

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic